

Đặc điểm giải phẫu bệnh-lâm sàng u tế bào mầm ác tính buồng trứng

BS CKI. Đỗ Minh Hoàng Trọng

Mở đầu

- Ung thư buồng trứng: 1 trong 10 ung thư thường gặp ở nữ
- U tế bào mầm ác tính: hàng thứ 2/ ung thư buồng trứng
- Chưa có nghiên cứu tại khoa GPB-BV Từ Dũ

U tế bào mầm ác tính

- WHO (2002)
- U tế bào mầm là u xuất phát từ tế bào mầm ở các giai đoạn phát triển khác nhau.
- **U tế bào mầm ác tính:**
 - U tế bào mầm nguyên thủy
 - U quái ác tính có 2 hoặc 3 thành phần (u quái không trưởng thành)
 - U quái ác tính có 1 thành phần kèm bọc bì

1. U tế bào mầm nguyên thủy

- U nghịch mầm
- U túi noãn hoàng
- Carcinôm phôi
- U đa phôi
- Carcinôm đệm nuôi không do thai
- U tế bào mầm hỗn hợp

2. U quái ác tính có 2 hoặc 3 thành phần
(U quái không trưởng thành)

3. U quái ác tính có 1 thành phần kèm với bọc bì

- Nhóm u dạng tuyến giáp: Struma ovarii ác tính
- Nhóm u carcinoid
- Nhóm u ngoại bì thần kinh
- Nhóm carcinôm:
 - * Carcinôm tế bào gai
 - * Carcinôm tuyến
 - * Carcinôm khác
- Nhóm tế bào sắc tố: melanôm ác tính
- Nhóm sarcôm
- Nhóm u bã: carcinôm tuyến bã
- Nhóm u thần kinh đệm võng mạc ác tính
- Nhóm u ác tính khác

Mục tiêu nghiên cứu

1. Xác định một số **đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng** của u tế bào mầm ác tính buồng trứng tại bệnh viện Từ Dũ năm 2007 – 2008.
2. Xác định **đặc điểm giải phẫu bệnh** của u tế bào mầm ác tính buồng trứng tại bệnh viện Từ Dũ năm 2007 – 2008.

Đối tượng & Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** cắt ngang mô tả.
- **Cỡ mẫu:** 56 ca.
- **Đối tượng nghiên cứu:** tất cả bệnh nhân u tế bào mầm ác tính buồng trứng tại bệnh viện Từ Dũ từ 01/01/2007 đến 31/12/2008.

- **Tiêu chuẩn nhận vào:**

Có kết quả giải phẫu bệnh là u tế bào mầm ác tính buồng trứng (theo phân loại của WHO, 2002).

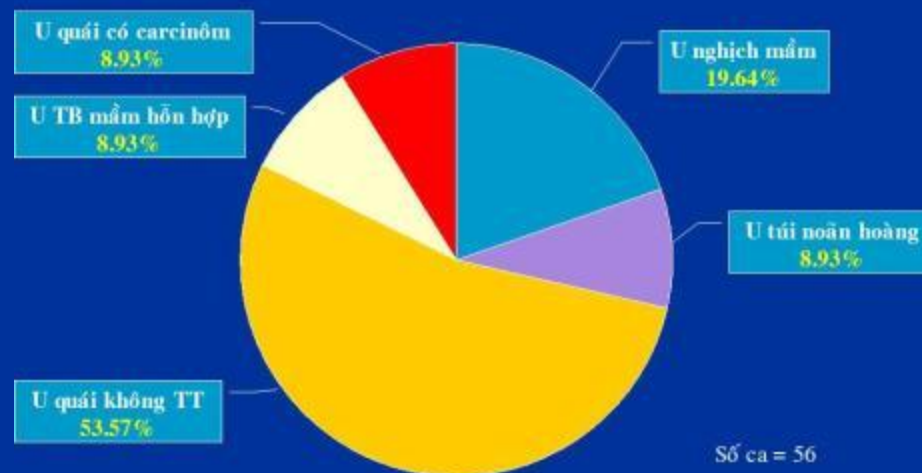
- **Tiêu chuẩn loại trừ:**

- Phiếu gửi xét nghiệm giải phẫu bệnh không được điền đầy đủ: Tuổi, PARA.
- Không có 1 trong 3 XN: AFP, β -hCG, CA 125.

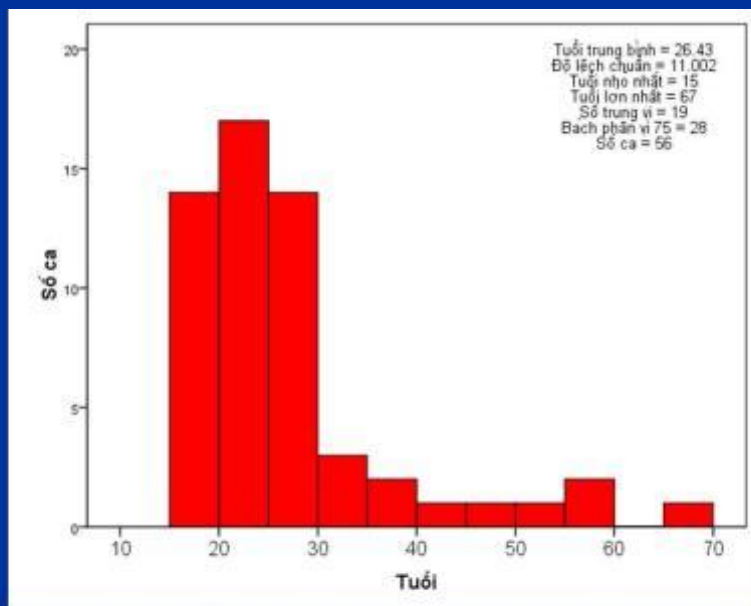
Kết quả nghiên cứu

■ Phương pháp thu thập và xử lý số liệu:

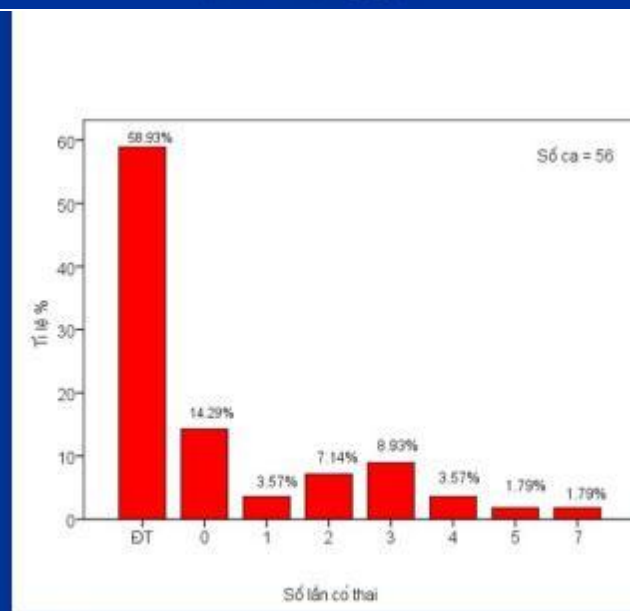
- Từ phần mềm nhập dữ liệu của khoa GPB, lọc tất cả ca u tế bào mầm ác tính buồng trứng từ 01/01/2007 đến 31/12/2008.
- Đọc lại toàn bộ tiêu bản.
- Điền thông tin lấy được từ máy tính và từ việc đọc tiêu bản vào bảng thu thập số liệu.
- Xử lý số liệu với MS Excel 2003 & SPSS 16.0.



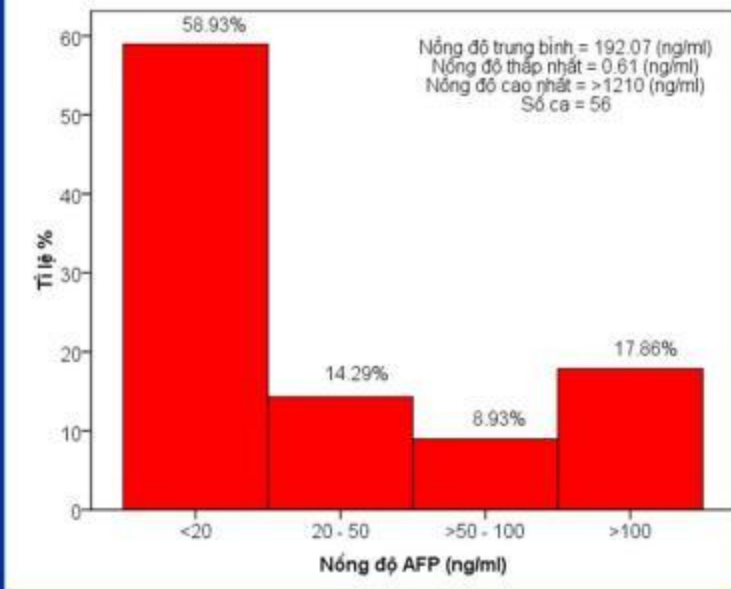
Biểu đồ 1. Các loại u tế bào mầm ác tính



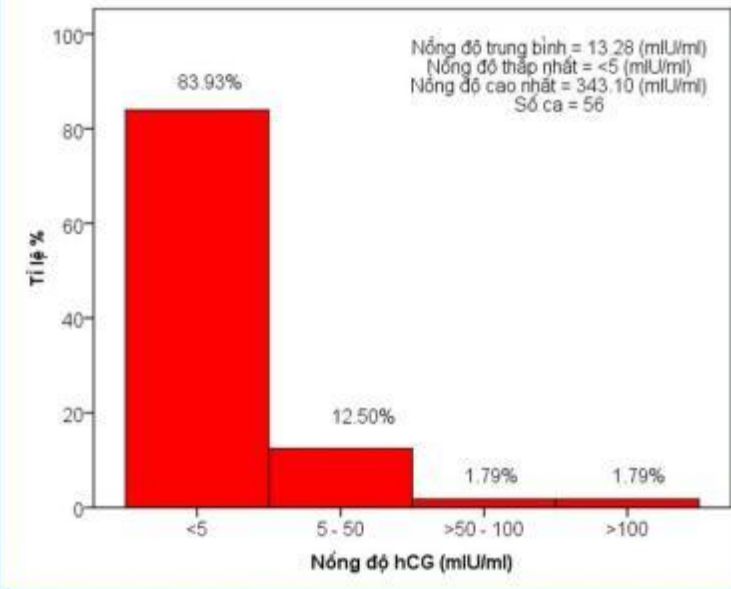
Biểu đồ 2. Tuổi



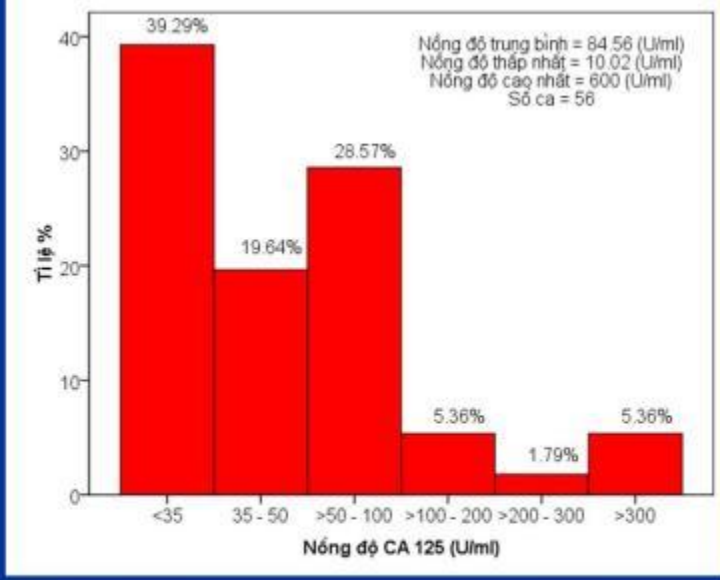
Biểu đồ 3. Số lần có thai



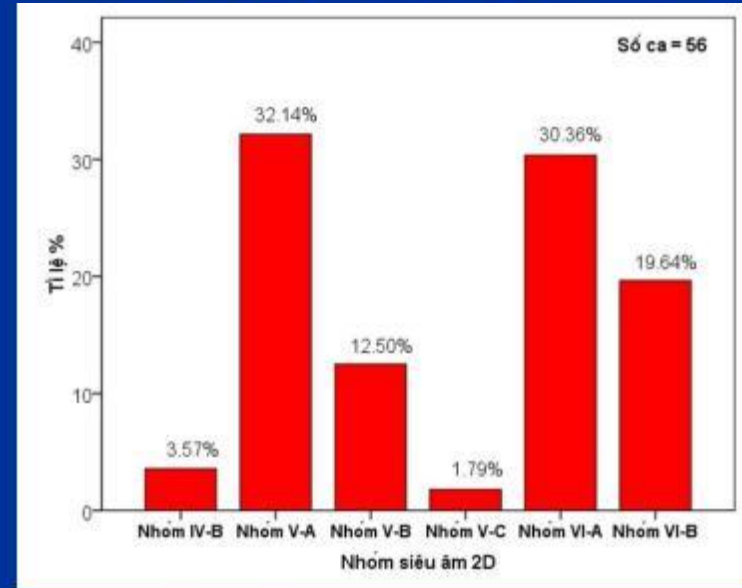
Biểu đồ 4. AFP huyết thanh



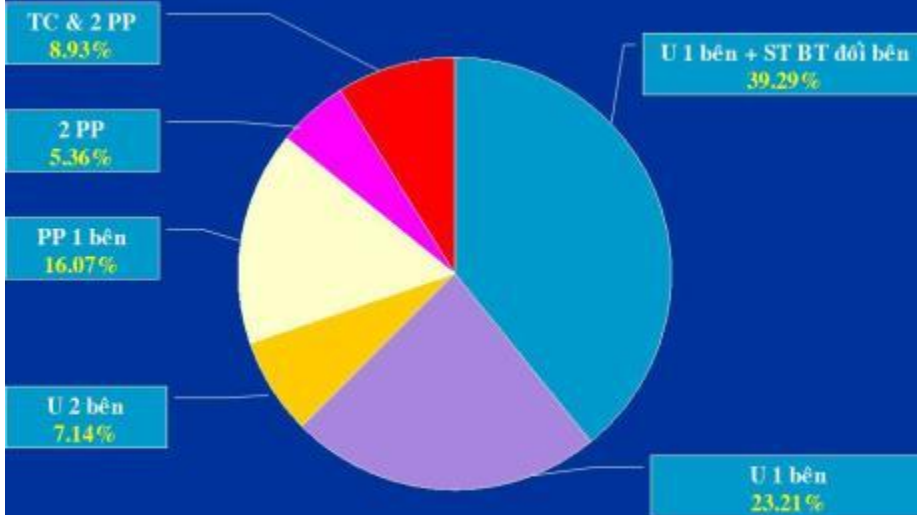
Biểu đồ 5. β -hCG huyết thanh



Biểu đồ 6. CA 125 huyết thanh



Biểu đồ 7. Siêu âm 2D



Biểu đồ 8. Các loại bệnh phẩm

Hội thảo Khoa học công nghệ BV TD

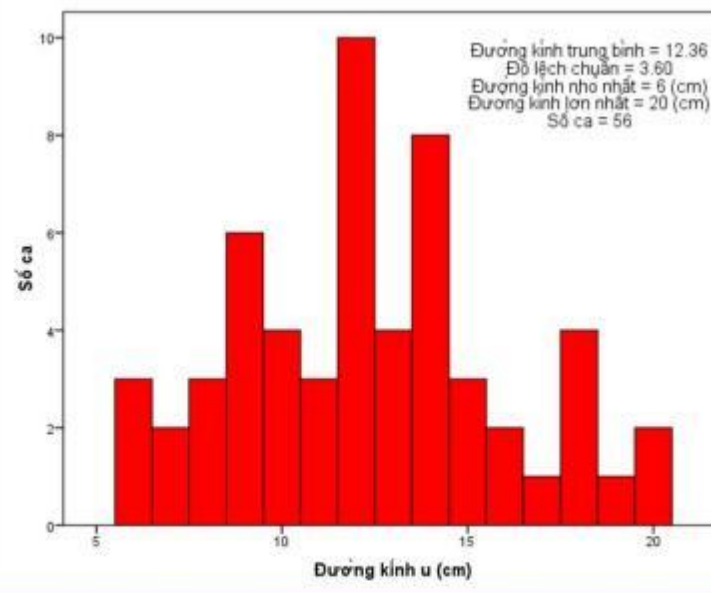
17

Bảng 1. Mặt cắt u

	Đặc	Đặc & Nang	Nang
UNM	11	0	0
UTNH	1	3	1
UQKT	0	30	0
UTBMHH	0	4	1
UQC	0	5	0
TC	12	42	2

Hội thảo Khoa học công nghệ BV TD

18



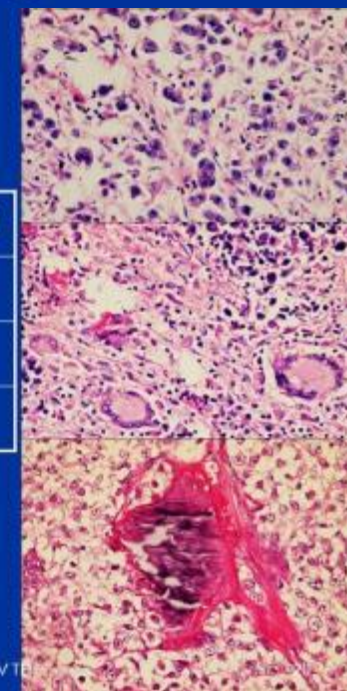
Biểu đồ 9. Đường kính u

Hội thảo Khoa học công nghệ BV TD

18

Bảng 2. Vi thể u nghịch mầm

Đặc điểm	Số ca
Có nguyên hợp bào nuôi	6
Có đại bào Langhans	3
Có thể canxi	1



Hội thảo Khoa học công nghệ BV TD

Bảng 3. Nguyên hợp bào nuôi & β -hCG

	< 5 mIU/ml	\geq 5 mIU/ml	TC
Không nguyên hợp bào nuôi	3	2	5
Có nguyên hợp bào nuôi	0	6	6
TC	3	8	11

Hội thảo Khoa học công nghệ BV TD

21

Bảng 4. Vi thể u túi noãn hoàng

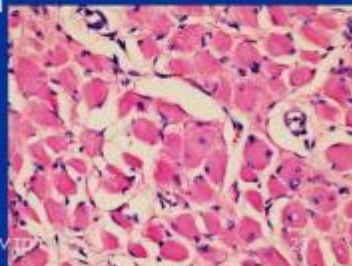
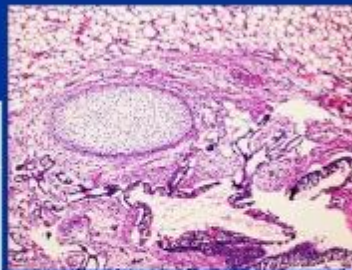
Đặc điểm	Số ca
1. Dạng nang nhỏ	5
2. Dạng nhầy	1
3. Dạng xoang nội bì (thể Schiller-Duval)	5
4. Dạng hốc tuyến	0
5. Dạng nhú	0
6. Dạng nang to	5
7. Dạng đặc	1
8. Dạng noãn hoàng đa túi	1
9. Dạng tuyến	1
10. Dạng gan	1

Hội thảo Khoa học công nghệ BV TD

22

Bảng 5. Vi thể u quái không trưởng thành

Đặc điểm	Số ca
Có sụn non	30
Có nguyên bào cơ vân	4



Hội thảo Khoa học công nghệ BV TD

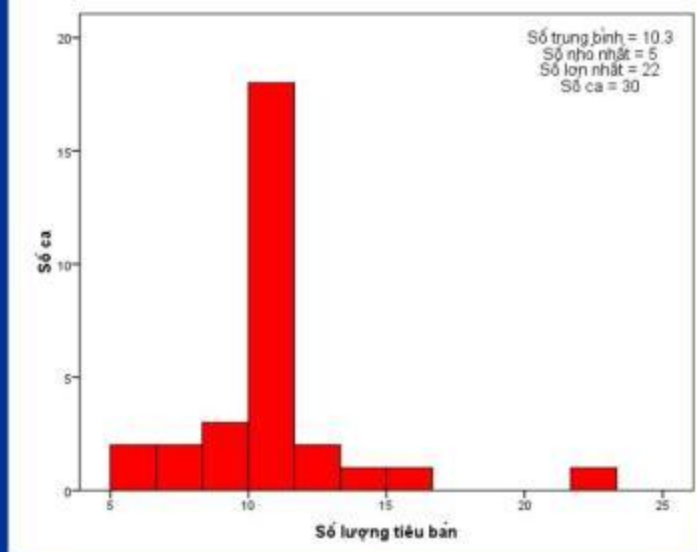


Số ca = 30

Biểu đồ 10. Grade u quái không trưởng thành

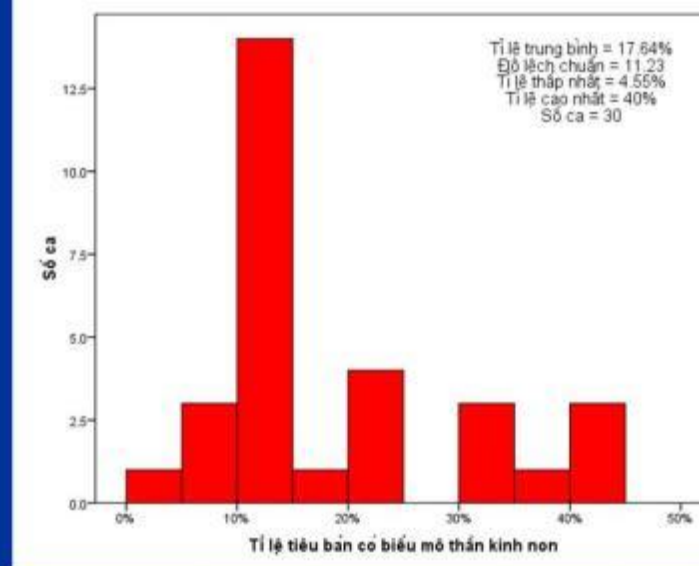
Hội thảo Khoa học công nghệ BV TD

24



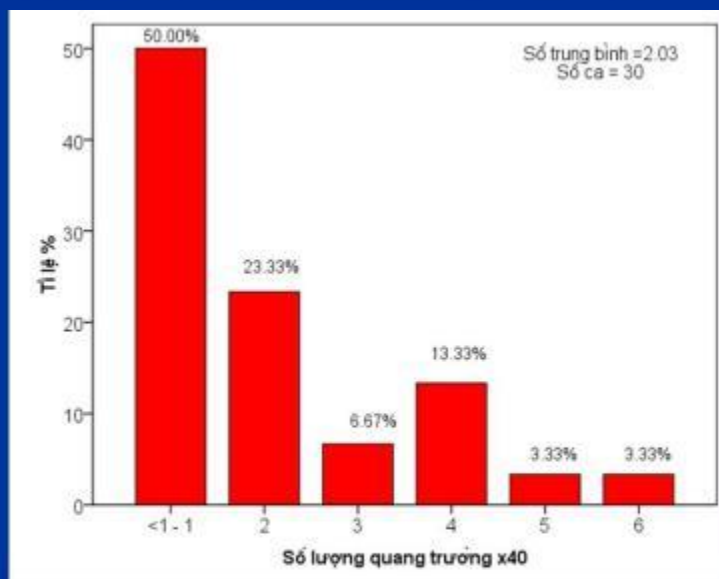
Biểu đồ 11. Số lượng tiêu bản của u quái KTT
Hội thảo Khoa học công nghệ BV TD

25



Biểu đồ 12. Tỷ lệ tiêu bản có biểu mô TK non
Hội thảo Khoa học công nghệ BV TD

25

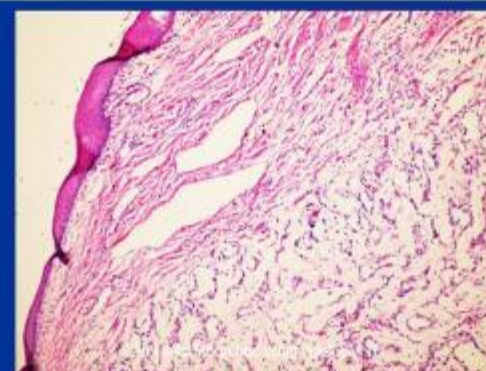


Biểu đồ 13. Số lượng QT x40 có biểu mô TK non
Hội thảo Khoa học công nghệ BV TD

27

Bảng 6. Vi thể u tế bào mầm hỗn hợp

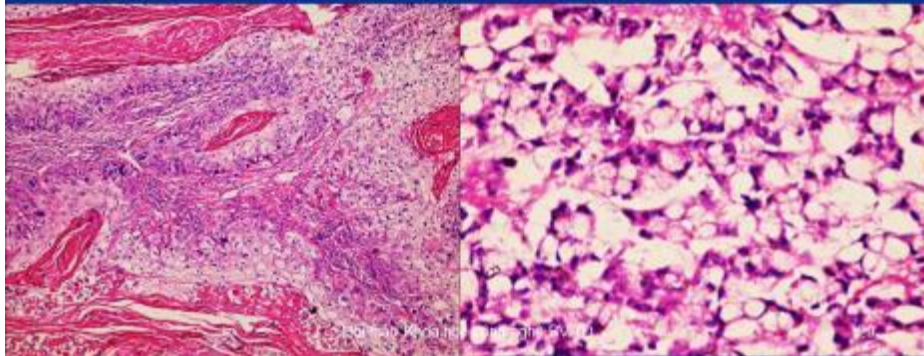
Đặc điểm	Số ca
U túi noãn hoàng & u nghịch mầm	2
U túi noãn hoàng & u bọc bì	3



28

Bảng 7. Vi thể u quái có carcinôm

Đặc điểm	Số ca
Carcinôm TB gai sừng hóa	4
Carcinôm tuyến nhầy, grade 3	1



Bàn luận

ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG

Tuổi

- Tuổi trung bình: 26.43 ± 11.002
- 75% bệnh nhân có tuổi ≤ 28
- Phù hợp với nhiều nghiên cứu khác

Tuổi u tế bào mầm ác tính

	NC này	NC khác	Tác giả
UNM	24	< 30	Asadourian
UTNH	22	< 30	Del Junco
UQKT	23	< 20	Bonazzi
UQC	55	51 - 62	Krumerman

Số lần có thai

	NC này	Ng Quốc Dũng
Chưa có thai	73.22%	72.34%
Độc thân	58.93%	59.57%

Nồng độ AFP huyết thanh

- U túi noãn hoàng: AFP tăng cao
- U tế bào mầm ác tính khác: AFP bình thường

	NC này	Kurman
U túi noãn hoàng	AFP tăng	AFP tăng
U tế bào mầm hỗn hợp	AFP tăng	AFP tăng

Nồng độ CA 125 huyết thanh

- CA 125 trung bình: **84.56 U/ml**
- 60.71% trường hợp: **>35 U/ml**
- Altaras: 100% u tế bào mầm ác tính có CA 125 tăng cao (**154 – 167 U/ml**)

Nồng độ β -hCG huyết thanh

- U nghịch mầm có nguyên hợp bào nuôi: β -hCG tăng cao
- U tế bào mầm ác tính khác: β -hCG bình thường

	NC này	Kurman
U nghịch mầm có nguyên hợp bào nuôi	β -hCG tăng	β -hCG tăng

Siêu âm 2D

- Vũ T Kim Chi: U BT loại IV, V, VI:
 - 36.07% ác
 - 7.76% u TB mầm ác

	NC này	Vũ T Kim Chi
U BT loại V, VI	96.43%	100%
U BT loại VI	50%	70.60%

Đặc điểm đại thể

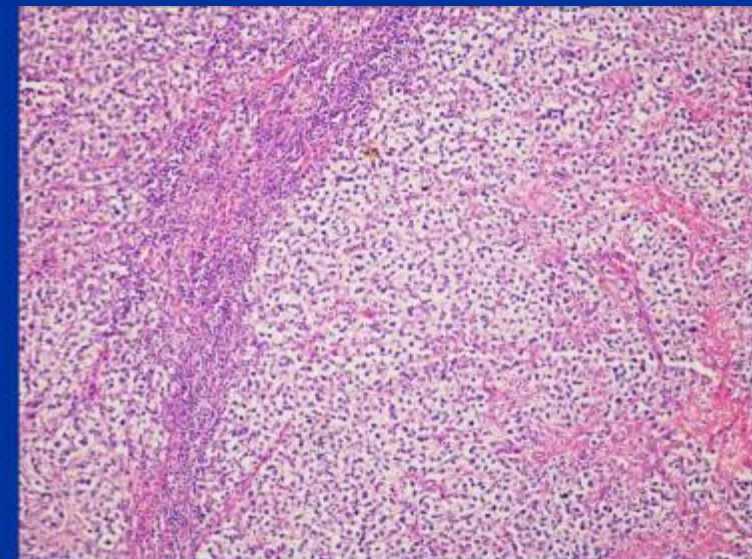
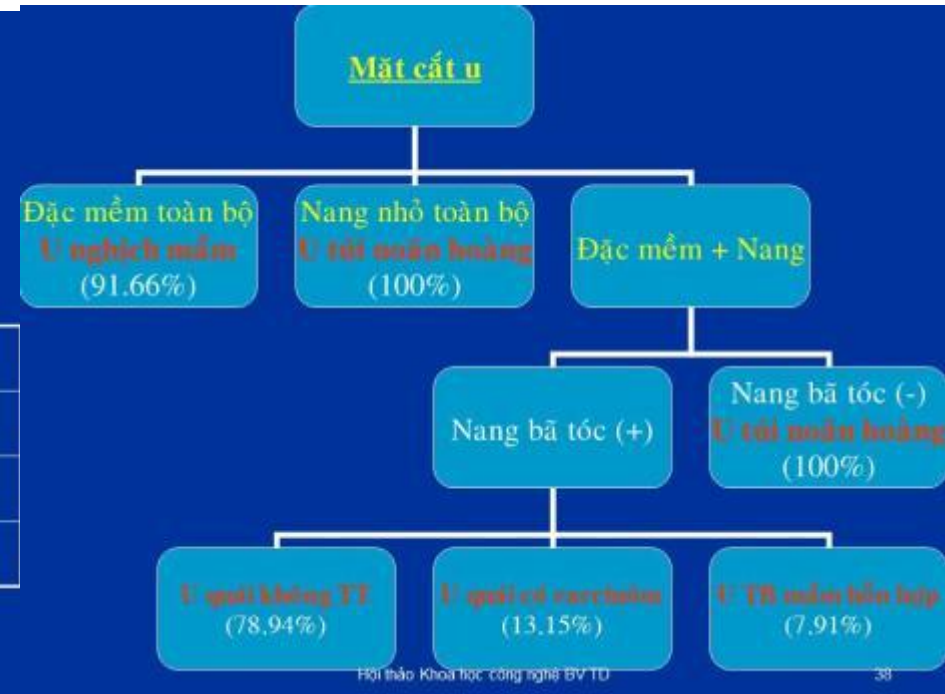
Kích thước u

- ĐK trung bình: 12.36 ± 3.6 cm .

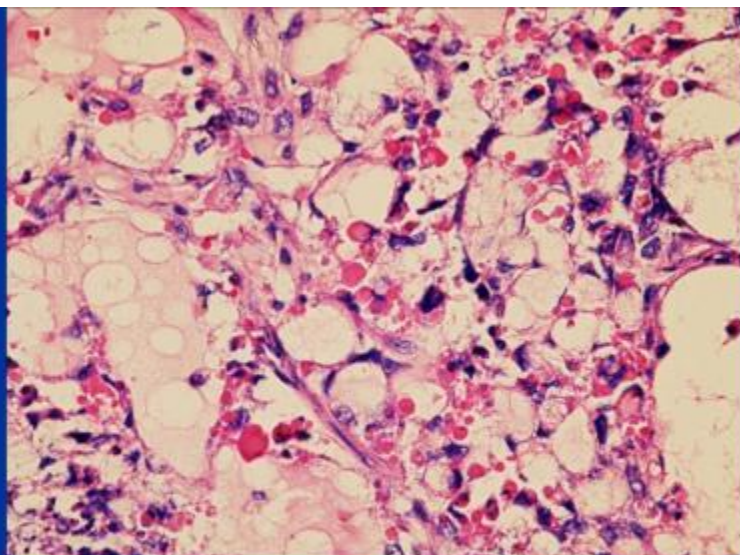
	NC này	NC khác	Tác giả
UNM	12.73 cm	15 cm	Asadourian
UTNH	11 cm	15 cm	Del Junco
UQKT	12.83 cm	9 – 28 cm	Bonazzi

Đặc điểm vi thể

- Đặc điểm vi thể ác tính thể hiện ở kiểu sắp xếp hoặc cấu trúc đặc trưng.

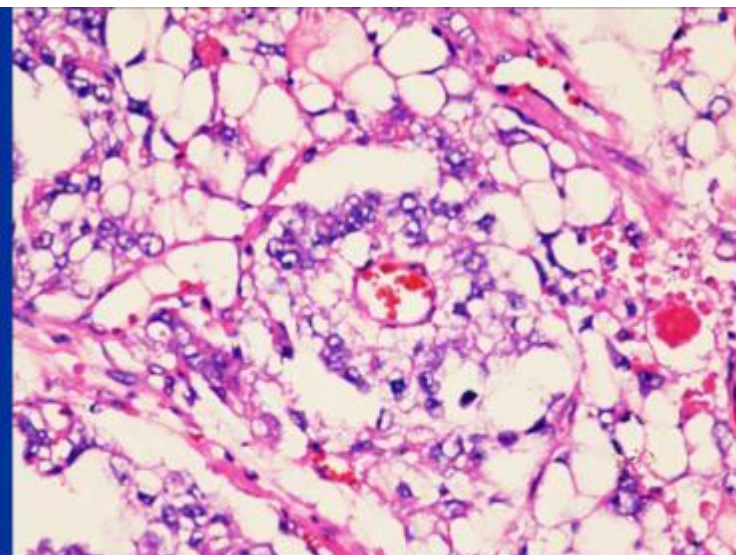


U nghịch mồm. Đám TB u + lymphô
(S13026/07, H&E x100)



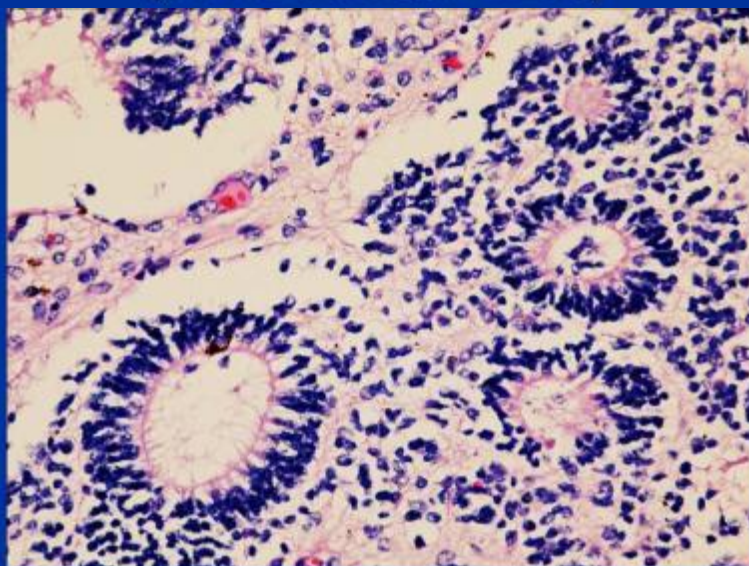
U túi noãn hoàng. Cấu hyaline
(S31921/07, H&E x200)

41



U túi noãn hoàng. Thể Schiller-Duval
(S31921/07, H&E x200)

42



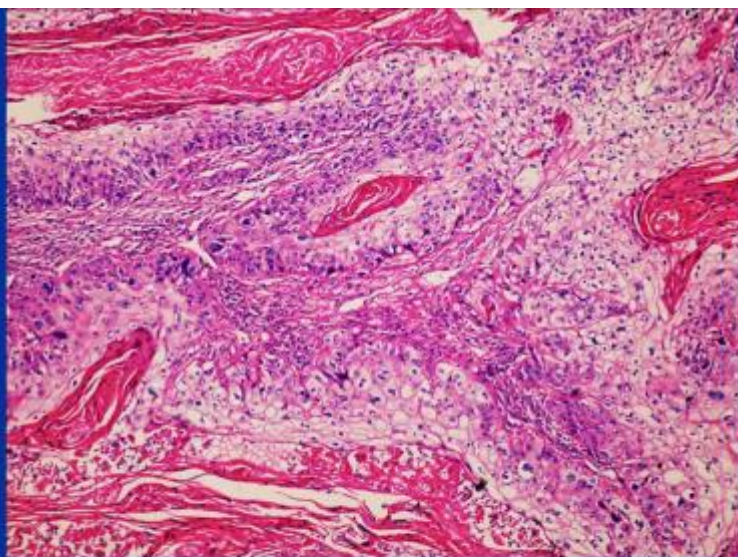
U quái không trưởng thành. Biểu mô TK non
(S7884/07, H&E x400)

43

U quái không trưởng thành

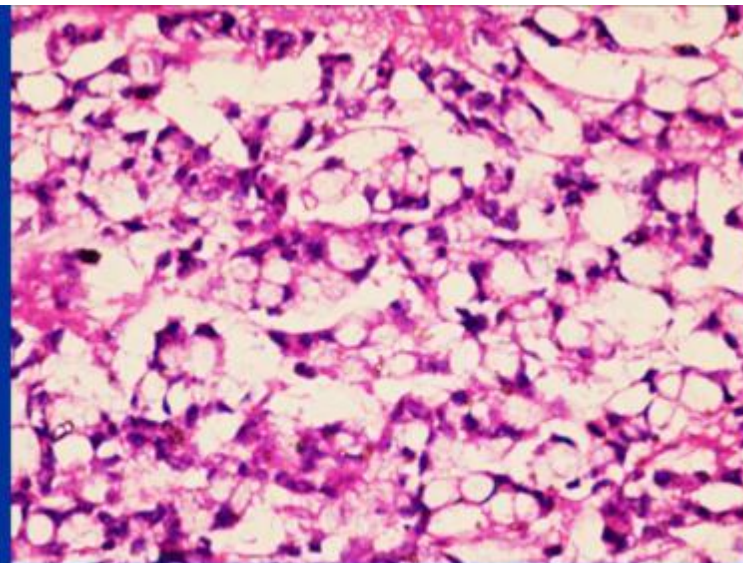
- Kích thước trung bình: 12.83 ± 3.48 cm.
- Số lượng mẫu cắt lọc: 10 ± 3 mẫu.
- Tỷ lệ tiêu bản có biểu mô TK non: 17.64%.
- Số lượng quang trường nhỏ có biểu mô TK non: 2
- Phải đánh giá đại thể cẩn thận & cắt lọc đủ số lượng (1 mẫu cho mỗi 1-2 cm khối u).

44



U quái có carcinôm TB gai.
(S6443/07. H&E x200)

45



U quái có carcinôm tuyến.
(S14072/08. H&E x200)

46

Kết luận

Nghiên cứu cắt ngang mô tả
56 trường hợp u TB mầm ác tính BT:

■ Đặc điểm lâm sàng:

- Tần suất: U quái không trưởng thành chiếm tỉ lệ cao nhất (53.57%).
- Tuổi trung bình: 26.
- 58.93% độc thân.

Kết luận

■ Đặc điểm xét nghiệm:

- AFP tăng cao trong 100% u túi noãn hoàng.
- β -hCG tăng cao trong u nghịch mầm có nguyên hợp bào nuôi.
- CA 125 tăng cao trong đa số u TB mầm ác tính.

■ Đặc điểm siêu âm 2D:

- 96.43% là u buồng trứng loại V và VI

Kết luận

- Đặc điểm đại thể:

- Thành phần đặc chứa mô ác tính.

- Đặc điểm vi thể:

- Đặc điểm ác tính thể hiện ở kiểu sắp xếp hoặc cấu trúc đặc trưng.

Xin chân thành cảm ơn!